

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 281/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2025

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo

Bà Vũ Thị Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 238/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 310/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Hoàng Thị Á**, sinh ngày 06/11/1996

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cước công dân số 030196008223 áp ngày 28/6/2021.

2. **Bị đơn:** Anh **Bùi Văn Đ**, sinh ngày 10/4/1992

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc). Căn cước công dân số 030092017244 cấp ngày 13/8/2021.

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Hoàng Thị Á** trình bày: Chị và anh **Bùi Văn Đ** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải

Dương ngày 28/10/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Năm 2022, sau khi chị sinh con được mấy tháng thì anh Đ chơi bời dẫn đến nợ nần, đánh chị dẫn đến bị thương, tinh thần khủng hoảng. Tuy nhiên vì con cái nên chị đã bỏ qua, tha thứ cho anh nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Nay anh chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Tháng 02/2025 anh Đ làm thủ tục đi lao động tại Đài Loan-Trung Quốc, anh chị vẫn không liên lạc với nhau. Hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ lâu, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Quang Đ1, sinh ngày 06/01/2022, hiện con đang ở với chị. Chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên, và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị N (là mẹ đẻ anh Đ) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết. Anh Đ có quan điểm xác định quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ khi sinh con chị Á sống tại gia đình bố mẹ đẻ, anh phải chạy đi, chạy lại, vợ chồng không bao giờ được nhau và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh chán nản nên đã bỏ đi lao động tại Đài Loan-Trung Quốc từ tháng 2/2025, anh chị xa cách mỗi người một nơi nhưng vẫn không liên lạc điện thoại cho nhau. Anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị Á trình bày là đúng. Anh nhất trí giao con cho chị Á được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị Á, anh Đ đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Đ. Khi sinh con chị Á chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở để tiện chăm sóc hai mẹ con, từ đó chị Á ở hẳn nhà bố mẹ đẻ. Đầu năm 2025, anh Đ đi lao động nước ngoài, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Nay chị Á có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Hoàng Thị Á ly hôn anh Bùi Văn Đ; về con chung: Giao con chung Bùi Quang Đ1 cho chị Á chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Á phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Á khởi kiện bị đơn anh Bùi Văn Đ có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện anh đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan - Trung Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Á và anh Bùi Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 28/10/2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và thường xảy ra cãi nhau dẫn đến đời sống chung không có hạnh phúc. Sau khi sinh con năm 2022 chị ở hẳn nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Tháng 02/2025 anh Đ đi lao động tại Đài Loan-Trung Quốc, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, ít liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Á và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Á được ly hôn anh Đ.

[2.2] Về quan hệ con chung: HĐXX xét thấy con chung của chị Á và anh Đ hiện vẫn còn nhỏ và đang ở với chị Á. Anh Đ hiện đang lao động ở nước ngoài nên không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hơn nữa anh cũng nhất trí giao con cho chị Á được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển của con chưa thành niên, HĐXX giao cho chị Á nuôi dưỡng con chung Bùi Quang Đ1 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83

Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự tự nguyện của chị Á, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Á, anh Đ cùng xác định không có, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Á là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hoàng Thị Á** ly hôn anh **Bùi Văn Đ**.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Hoàng Thị Á trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bùi Quang Đ1, sinh ngày 06/01/2022 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Á, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con.

Anh Bùi Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Á phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0001845 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Á có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Bùi Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày. Thời hạn kháng cáo của các đương sự tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân